

Số: 625/BC-HABECO

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM**  
**Kỳ báo cáo: Năm 2020**

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  
- Bộ Công Thương,

**I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của HABECO:**

Theo báo cáo của Công ty Nielsen Việt Nam, năm 2020, thị trường bia Việt Nam dưới tác động kép của dịch bệnh Covid 19 và Nghị định 100 đã chịu sự sụt giảm lớn so với năm 2019, trong đó, sản lượng tiêu thụ của Habeco và Sabeco có mức giảm tương đương nhau.

Tại khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ là thị trường chính của Habeco, ngành bia có sự suy giảm mạnh hơn so với các khu vực thị trường khác. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đến từ các thương hiệu bia quốc tế cũng như địa phương, HABECO vẫn giữ vững vị trí là nhà sản xuất dẫn đầu tại thị trường này. Sau thời gian giãn cách xã hội trong quý 1/2020 và đầu quý 2/2020, HABECO đã có sự phục hồi mạnh mẽ trong 3 tháng liên tiếp vào mùa vụ hè và hết năm 2020, HABECO đã được ghi nhận đạt mức 38,5% thị phần về sản lượng.

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh:**

*1.1 Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính của HABECO - Công ty mẹ trong năm 2020 như sau:*

- Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu đạt 309,9 triệu lít, tăng 37,7% so với kế hoạch, trong đó:
  - ❖ Tiêu thụ bia các loại đạt 307,8 triệu lít, tăng 37,9% so với kế hoạch.
  - ❖ Tiêu thụ nước uống đóng chai UniAqua đạt 2,1 triệu lít, tăng 10,4% so với kế hoạch.
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm chính (đã bao gồm thuế TTĐB) đạt 5.893,8 tỷ đồng, tăng 39% so với kế hoạch.

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 708,8 tỷ đồng, tăng 126,4% so với kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 625,3 tỷ đồng, tăng 152,2% so với kế hoạch.
- Mức cổ tức năm 2020 dự kiến: 15,5%

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của HABECO tổ chức ngày 30/6/2020 đã thống nhất thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức kế hoạch năm 2020 là 6%.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, HABECO xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 báo cáo Bộ Công Thương, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức là 23,5 %. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương, HABECO sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

#### *1.2 Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chính của toàn tổ hợp trong năm 2020 như sau:*

- Sản lượng sản xuất bia các loại đạt 516,57 triệu lít bằng 84,68% so với cùng kỳ và đạt 127,77 % kế hoạch năm, trong đó:

- ❖ Thương hiệu Bia Hà Nội đạt 397,74 triệu lít bằng 82,79% so với cùng kỳ và đạt 134,19 % kế hoạch năm.

- ❖ Sản phẩm bia địa phương đạt 118,83 triệu lít bằng 91,68% so với cùng kỳ và đạt 110,14 % kế hoạch năm.

- Sản lượng tiêu thụ bia các loại đạt 509,46 triệu lít bằng 83,35% so với cùng kỳ và đạt 125,97% so với kế hoạch, trong đó:

- ❖ Thương hiệu Bia Hà Nội đạt 390,52 triệu lít bằng 80,8% so với cùng kỳ và đạt 131,75% kế hoạch năm.

- ❖ Sản phẩm bia địa phương đạt 118,95 triệu lít bằng 92,98 % so với cùng kỳ và đạt 110,1% kế hoạch năm.

- Sản lượng sản xuất nước đóng chai UniAqua đạt 2,03 triệu lít, bằng 73,18% so với cùng kỳ và bằng 106,73% so với kế hoạch năm.

- Sản lượng tiêu thụ nước đóng chai UniAqua đạt 2,1 triệu lít, bằng 81,33% so với cùng kỳ và bằng 110,41% so với kế hoạch năm.

- Sản lượng sản xuất rượu các loại đạt 1,55 triệu lít bằng 100,91% so với cùng kỳ và đạt 83,31% so với kế hoạch năm.

- Sản lượng tiêu thụ rượu các loại đạt 2,28 triệu lít bằng 73,62% so với cùng kỳ và đạt 81,6% so với kế hoạch năm.

## 2. Những giải pháp HABECO đã thực hiện năm 2020:

### *2.1 Về công tác truyền thông và phát triển thương hiệu :*



Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Chiến lược phát triển thương hiệu 2019-2021 với mục tiêu nâng tầm vị thế của doanh nghiệp sản xuất bia Việt Nam duy nhất, tiếp cận và tương tác tối đa với đối tượng khách hàng mục tiêu, đẩy mạnh phát triển thương hiệu, hỗ trợ các chiến dịch truyền thông chiến lược 3600, thúc đẩy hoạt động bán hàng, tiêu thụ các sản phẩm mang thương hiệu HABECO. Theo đó, tập trung vào việc quản lý thương hiệu tổng thể, đa dạng hóa phương tiện truyền thông, phủ sóng thương hiệu trên các hệ sinh thái phù hợp thông qua các chiến dịch truyền thông tổng quan diện rộng và các hoạt động truyền thông tương tác trực tiếp.

Trong năm, hình ảnh thương hiệu Bia Hà Nội đã được quảng bá mạnh mẽ trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện thông qua chiến dịch truyền thông “Tôi yêu Bia Hà Nội”. Chiến dịch đã giúp khách hàng trên toàn quốc cảm nhận sâu sắc hơn những giá trị Văn hóa - Truyền thống - Cộng đồng của một thương hiệu Việt lâu đời đã trở thành một nét văn hóa của người Việt, đưa thương hiệu Bia Hà Nội đạt Top 3 Bảng xếp hạng ngành bia tháng 8/2020.

Bên cạnh đó, HABECO ngày càng đổi mới công tác truyền thông trực tiếp nhằm mục tiêu tăng cường nhận diện thương hiệu với khách hàng, tăng cường trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm của HABECO. Lần đầu tiên, HABECO mang sắc Tết đến với 11 tỉnh thành trên khắp cả nước thông qua chuỗi “Quầy bán Bia Hà Nội Tết 2021”, tạo ấn tượng mạnh mẽ về mặt hình ảnh và nhanh nhạy đón đầu hoạt động bán hàng trước các đối thủ cạnh tranh, từ đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động bán hàng, tăng trưởng sản lượng tiêu thụ sản phẩm dịp Tết 2021.

## 2.2 Về sản phẩm :

Trong hoàn cảnh khó khăn khi toàn thị trường chịu tác động kép của Nghị định 100 và Dịch bệnh Covid-19, HABECO đã có động thái nhanh nhạy trong việc nghiên cứu phát triển và đưa ra thị trường hàng loạt sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng trong bối cảnh “bình thường mới”. Đặc biệt, sản phẩm Bia Hoi Hà Nội 500ml và Bia Hoi Hà Nội 1 lít nhận được những đón nhận tích cực từ người tiêu dùng.

Ngoài ra, đánh dấu kỷ niệm tròn 1 năm ra mắt thương hiệu Hanoi BOLD & Light, hai sản phẩm lon dung tích 330ml cho Hanoi BOLD và Hanoi Light cũng đã được trình diện trên thị trường vào tháng 6/2020, hoàn thành bộ sản phẩm của thương hiệu dành cho giới trẻ của HABECO.

Tháng 7/2020, sản phẩm Bia Hà Nội 1890 được ra đời, là mốc son đánh dấu 130 năm kế thừa tinh hoa lịch sử của Bia Hà Nội. Với thiết kế tinh tế, kiểu dáng hiện đại và chất lượng tuyệt hảo, Bia Hà Nội 1890 đại diện cho những giá trị văn hóa của dân tộc với sứ mệnh luôn đồng hành cùng lịch sử phát triển của Việt Nam.

## 2.3 Về quản trị, tài chính :



- Tiếp tục khai thác hiệu quả của Hệ thống quản trị doanh nghiệp ("ERP") để hỗ trợ bộ phận quản lý và Ban lãnh đạo Tổng công ty tiếp cận một cách nhanh chóng và chính xác các số liệu sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời để xử lý những vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất, bán hàng cũng như tận dụng những cơ hội mới để phát triển.

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh, Habeco đã cắt giảm nhiều hạng mục công việc chưa cần phải thực hiện ngay để tiết giảm tối đa chi phí, thực hiện việc chào hàng cạnh tranh theo đúng quy định để tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ với mức giá tốt nhất, đồng thời làm việc với các nhà cung ứng để giữ ổn định giá trong điều kiện sản lượng tiêu thụ suy giảm... nhờ đó phần lớn các chi phí đều theo sát kế hoạch đã xây dựng.

- Thực hiện tốt công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành, đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

#### *2.4 Công tác nhân sự:*

Năm 2020, do ảnh hưởng của Dịch bệnh Covid 19, Tổng công ty đã chủ động thực hiện sắp xếp, bố trí lao động linh hoạt theo tình hình dịch bệnh; Sửa đổi và ban hành lại Quy chế trả thu nhập, hệ thống thang bảng lương đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### *2.5 Công tác kỹ thuật, chất lượng:*

- Rà soát, sửa đổi cập nhật quy trình công nghệ, xây dựng cập nhật các tiêu chuẩn chất lượng theo hướng tiên tiến hơn và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Triển khai các thử nghiệm thay đổi bao bì, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất... nhằm tối ưu hóa định mức kinh tế kỹ thuật, giảm chi phí sản xuất, tăng tính cạnh tranh giữa các nhà cung cấp.

- Tổ chức ring test các chỉ tiêu chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật, cảm quan đối với bia thành phẩm trong nội bộ và trong toàn hệ thống để nâng cao tay nghề KCS, căn chỉnh thiết bị phân tích, năng lực kiểm soát vi sinh vật tại chỗ cho các phòng thí nghiệm tại công ty mẹ và các công ty con; đào tạo củng cố, nâng cao kiến thức cảm quan...

- Nghiên cứu thử nghiệm nhiều sản phẩm mới phục vụ cho mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm: bia không cồn, cider vị hoa quả, bia hoa quả, nước tăng lực....

#### *2.6 Công tác đầu tư:*

- Hoàn thiện dự án xây dựng khu nhà làm việc Khối Kỹ thuật tại Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh.

- Golive dự án ERP trong tháng 12/2019, tích hợp hóa đơn điện tử và hoàn thiện các báo cáo tồn động năm 2020.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho hầu hết các khu đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tổng công ty.

## 2.7 Về công tác xã hội khác:

HABECO Duy trì tốt và chủ động việc thăm hỏi, trợ cấp ốm đau cho cán bộ công nhân viên lao động bị đau yếu và có hoàn cảnh khó khăn; giải quyết tốt các chế độ chính sách của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, phúc lợi....; duy trì phụng dưỡng 12 mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc trẻ mồ côi, ủng hộ quỹ các quỹ xã hội của Trung ương và địa phương và một số hoạt động từ thiện khác, tham gia ủng hộ nhân dân bị ảnh hưởng mưa lũ tại các tỉnh miền Trung. Số tiền từ thiện xã hội năm 2020 là hơn 4 tỷ đồng.

## 2.8 Các thành tích được ghi nhận:

- Lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh Thương hiệu quốc gia Việt Nam;
- Top 50 doanh nghiệp giá trị nhất Việt Nam;
- Top 10 công ty đồ uống uy tín năm 2020.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT         | Chỉ tiêu                             | ĐVT           | Năm 2020<br>Kế hoạch năm<br>Tổng Công ty<br>mẹ | Thực hiện<br>cả năm<br>Tổng Công<br>ty mẹ | Giá trị<br>thực hiện<br>của cả tổ<br>hợp công<br>ty mẹ -<br>công ty con |
|------------|--------------------------------------|---------------|--|---|---|
| A          | B                                    | C             | (2)  | (3)                                       |   |
| <b>I</b>   | <b>Sản phẩm chủ yếu sản xuất</b>     |               |  |   |   |
| <b>1</b>   | <b>Bia các loại:</b>                 | <b>1000 l</b> | <b>167.735</b>                                 | <b>185.951</b>                            | <b>516.568</b>  |
| <b>1.1</b> | <b>Tổng bia lon các loại</b>         | <b>1000 l</b> | <b>59.068</b>                                  | <b>59.990</b>                             | <b>155.771</b>  |
| a,         | Bia lon Hà Nội                       | 1000 l        | 53.868   | 54.040                                    | 137.606   |
| b,         | Bia lon Trúc Bạch 330ml              | 1000 l        | 1.306  | 1.849                                     | 1.849   |
| c,         | Bia lon HN nhãn xanh                 | 1000 l        |  | 473                                       | 12.687  |
| d,         | Bia lon HN Beer Premium              | 1000 l        | 2.409  | 3.168                                     | 3.168   |
| e,         | Bia lon HN Bold                      | 1000 l        | 1.015  | 314                                       | 314   |
| g,         | Bia lon HN Bold                      |               | 470  | 146                                       | 146   |
| <b>1.2</b> | <b>Tổng bia chai 450 ml các loại</b> | <b>1000 l</b> | <b>49.755</b>                                  | <b>47.361</b>                             | <b>79.478</b>   |



| TT         | Chỉ tiêu                              | ĐVT           | Năm 2020<br>Kế hoạch năm<br>Tổng Công ty<br>mẹ | Thực hiện<br>cả năm<br>Tổng Công<br>ty mẹ | Giá trị<br>thực hiện<br>của cả tổ<br>hợp công<br>ty mẹ -<br>công ty con |
|------------|---------------------------------------|---------------|--|---|---|
| A          | B                                     | C             | (2)  | (3)                                       |   |
| a,         | Bia chai HN 450 ml                    | 1000 l        | 49.755   | 47.361                                    | 77.589  |
| b,         | Bia chai HN nhãn xanh 450ml           | 1000 l        | -  | -   | 1.889   |
| <b>1.3</b> | <b>Tổng chai 330, 355 ml các loại</b> | <b>1000 l</b> | <b>16.579</b>                                  | <b>13.207</b>                             | <b>13.545</b>   |
| a,         | Bia chai HN Beer Premium              | 1000 l        | 10.500   | 7.718                                     | 7.718   |
| b,         | Bia chai Trúc Bạch                    | 1000 l        | 2.359  | 1.546                                     | 1.546   |
| c,         | Bia chai HN nhãn xanh 330ml           | 1000 l        | -  | -   | 338   |
| d,         | Bia chai HN 1890 (330ml)              | 1000 l        | 3.090  | 3.095                                     | 3.095   |
| e,         | Bia chai HN Bold                      | 1000 l        | 430  | 611                                       | 611   |
| g,         | Bia chai HN Light                     | 1000 l        | 200  | 237                                       | 237   |
| <b>1.4</b> | <b>Bia hơi Hà Nội</b>                 | <b>1000 l</b> | 42.333   | 65.392                                    | <b>148.949</b>  |
| <b>1.5</b> | <b>Bia chai, lon khác</b>             | <b>1000 l</b> | -  | -   | <b>32.446</b>   |
| <b>1.6</b> | <b>Bia hơi khác</b>                   | <b>1000 l</b> | -  | -   | <b>86.379</b>   |
| <b>2</b>   | <b>Nước đóng chai Uniaqua</b>         | <b>1000 l</b> | <b>1.902</b>                                   | <b>2.030</b>                              | <b>2.030</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Rượu các loại</b>                  | <b>1000 l</b> | -  | -   | <b>1.547</b>  |
| <b>4</b>   | <b>Nút khoén các loại</b>             | <b>Tr.nút</b> | -  | -   | <b>323</b>  |
| <b>II</b>  | <b>Kết quả SXKD</b>                   |               |  |   |   |
| 1          | Tổng doanh thu                        | Tỷ<br>đồng    | 4.779,30                                       | 5.474,21                                  | 7.514,37  |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                  | Tỷ<br>đồng    | 313,00   | 708,83                                    | 767,25  |
| 3          | Lợi nhuận sau thuế                    | Tỷ<br>đồng    | 248,00   | 625,35                                    | 660,59  |
| 4          | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước     | Tỷ<br>đồng    | 1.427,46                                       | 1.612,88                                  | 3.748,6   |
| 5          | Kim ngạch xuất nhập khẩu<br>(nếu có)  | Tỷ<br>đồng    | -  | -   | -   |
| 6          | Sản phẩm dịch vụ công ích<br>(nếu có) |               | -  | -   | -   |
| 7          | Tổng số lao động                      | Người         | 582  | 569                                       | -   |
| 8          | Tổng quỹ lương                        | Tỷ<br>đồng    | 110,33   | 141,90                                    | -   |

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

ĐVT: Tỷ đồng

| TT  | Tên dự án             | Địa điểm | Chủ đầu tư | Tỷ lệ tham gia của doanh nghiệp | Tổng mức đầu tư |          |        | Lũy kế đã thanh toán từ lúc khởi công đến thời điểm báo cáo |          | Ghi chú |        |
|-----|-----------------------|----------|------------|---------------------------------|-----------------|----------|--------|---|----------|---------|--------|
|     |                       |          |            |                                 | Tổng số         | Trong đó |        | Tổng số   | Trong đó |         |        |
|     |                       |          |            |                                 |                 | Vốn vay  | Vốn DN |   | Vốn vay  |         | Vốn DN |
| A   | B                     |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
|     | Tổng số               |          |            |                                 | 96,27           |          | 96,27  | 41,67   |          | 41,67   |        |
| A   | Dự án đã hoàn thành   |          |            |                                 | 0,00            |          | 0,00   | 0,00  |          | 0,00    |        |
|     | Tổng số Dự án: 0      |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
|     | Trong đó              |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| I   | Nhóm A                |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| II  | Nhóm B                |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| III | Nhóm C                |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| B   | Dự án đang triển khai |          |            |                                 | 96,27           |          | 96,27  | 41,67   |          | 41,67   |        |
|     | Tổng số dự án: 5      |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
|     | Trong đó              |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| I   | Nhóm A                |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |
| II  | Nhóm B                |          |            |                                 |                 |          |        |   |          |         |        |

| TT  | Tên dự án   | Địa điểm  | Chủ đầu tư                                   | Tỷ lệ tham gia của doanh nghiệp                   | Tổng mức đầu tư |         |        | Lũy kế đã thanh toán từ lúc khởi công đến thời điểm báo cáo |         |        | Ghi chú                                      |
|-----|---|---|--|---|-----------------|---------|--------|---|---------|--------|--|
|     |   |   |  |   | Tổng số         | Vốn vay | Vốn DN | Tổng số   | Vốn vay | Vốn DN |  |
| III | Nhóm C  |   |  |   | 96,27           |         | 96,27  | 41,67   |         | 41,67  |  |
| 1   | Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Tổng công ty (Dự án ERP)                           | 183 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội             | HABECO                                       | 100% vốn của doanh nghiệp                         | 19,89           |         | 19,89  | 17,61   |         | 17,61  |  |
| 2   | Dự án đầu tư hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể tại Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco (Dự án ERP MTV) | 183 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội             | HABECO và Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco | 42,4% vốn của HABECO và 57,6% vốn của Công ty MTV | 21,77           |         | 21,77  | 0,024   |         | 0,024  | Vốn đầu tư của HABECO là 9,2 tỷ              |
| 3   | Dự án xây dựng tòa nhà khối kỹ thuật  | xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội            | HABECO                                       | 100% vốn của doanh nghiệp                         | 26,47           |         | 26,47  | 17,74   |         | 17,74  |  |
| 4   | Dự án đầu tư xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm Phú Thọ   | Phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | HABECO                                       | 100% vốn của doanh nghiệp                         | 13,22           |         | 13,22  | 0,4   |         | 0,4    | Đang trình Hội đồng quản trị phê duyệt dự án |
| 5   | Dự án nâng cấp hệ thống điều khiển nhà máy bia Hà Nội - Mê Linh   | xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội            | HABECO                                       | 100% vốn của doanh nghiệp                         | 14,93           |         | 14,93  | 5,9   |         | 5,9    |  |



### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Tính đến 31/12/2020, HABECO có vốn góp đầu tư tại 26 công ty thành viên, bao gồm 16 công ty con, 6 công ty liên doanh, liên kết và 4 đơn vị đầu tư khác. Trong đó, 17 công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, 04 công ty trong lĩnh vực phụ trợ ngành sản xuất chính như sản xuất bao bì, kinh doanh dịch vụ vận tải, 05 công ty hoạt động ngoài ngành (gồm 03 công ty trong hoạt động bất động sản, 01 công ty đào tạo và 01 công ty hoạt động kinh doanh tổng hợp).

Ngay từ đầu năm 2020, Ngành Bia - Rượu - Nước giải khát nói chung và HABECO, cũng như các công ty thành viên của HABECO nói riêng đã phải chịu tác động kép bởi Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt và dịch Covid -19 bùng phát ở những thành phố lớn của Việt Nam. Theo đó, nhiều nhà hàng, khu du lịch đã phải tạm ngừng hoạt động, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bia giảm mạnh. Đây là biến động lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh HABECO - Công ty mẹ và các công ty thành viên.

Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị HABECO đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại các công ty thành viên cùng HĐQT, Ban giám đốc công ty triển khai các biện pháp ứng phó với đà suy giảm, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ đảm bảo các dây chuyền hoạt động ổn định sẵn sàng nâng cao sản lượng sản xuất, xây dựng các chương trình hỗ trợ khách hàng, đẩy mạnh tiêu thụ khi thị trường phục hồi, cụ thể:

- Thường xuyên theo dõi diễn biến, đánh giá nhu cầu thị trường qua đó tập trung nguồn lực, chi phí cho phát triển thị trường, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với thực tiễn nhu cầu xã hội, áp dụng công nghệ số, vận dụng giải pháp kinh tế chia sẻ, phù hợp với thực tế hoạt động của từng công ty để thực hiện và có đánh giá giữa chi phí gắn với hiệu quả kinh doanh ...

- Rà soát, xác định các kế hoạch chi phí thực sự cần thiết cho sản xuất, kinh doanh, cắt giảm các chi phí chưa cần thiết như: Hội nghị, học tập, đào tạo tập trung, tham quan, du lịch, tiếp khách ...

- Tạm dừng các hạng mục đầu tư chưa thực sự cấp bách phục vụ sản xuất trong thời điểm hiện tại, chủ động theo dõi các gói giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ (nếu có) để cơ cấu lại các khoản vay nợ tài chính nhằm đảm bảo hiệu quả trong quản lý tài chính của đơn vị.

- Tăng cường công tác quản trị tài sản, nguồn vốn, dòng tiền; quản trị tình hình thực hiện kế hoạch chi phí nhằm theo dõi sát sao và phân tích sự biến động

của các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, đưa ra các dự báo kịp thời để chủ động trong công tác điều hành.

- Thực hiện nghiêm túc các chỉ thị của Chính phủ cũng như của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác chống dịch, đồng thời thực hiện rà soát nhu cầu sử dụng lao động, có phương án tiết giảm nhân sự phù hợp theo kế hoạch sản xuất được giao đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại các công ty thành viên.

Tổng hợp kết quả hoạt động SXKD năm 2020 của các công ty thành viên của HABECO như sau:

a) Các công ty có kết quả hoạt động SXKD có lãi:

Kết thúc năm tài chính 2020, có 13 công ty con (trên tổng số 16 công ty) có kết quả hoạt động SXKD có lãi.

Trong đó, các công ty đạt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch ở mức cao và trên 10 tỷ đồng bao gồm: CTCP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội; CTCP Habeco - Hải Phòng; Công ty TNHH MTV TM Habeco.

Các công ty con có kết quả hoạt động SXKD năm 2020 có lãi, tuy nhiên vẫn còn lỗ lũy kế bao gồm: CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An, CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị; CTCP Habeco - Hải Phòng:

- CTCP Habeco - Hải Phòng: Trong bốn năm gần đây, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty được cải thiện rõ rệt, kết quả SXKD có lãi, lợi nhuận sau thuế các năm 2017 là 1,72 tỷ đồng, năm 2018 là 0,66 triệu đồng, năm 2019 là 19,83 tỷ đồng, năm 2020 là 12,1 tỷ đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế tính đến hết ngày 31/12/2020 của Công ty vẫn còn là 17,7 tỷ đồng, tình hình tài chính vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn và mất cân đối, Công ty sử dụng nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho tài sản dài hạn, vốn lưu động ròng âm 58,7 tỷ đồng. Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Trước những khó khăn của Công ty, Tổng công ty đã và đang thực hiện các giải pháp hỗ trợ đồng bộ bao gồm kế hoạch sản xuất, hỗ trợ làm việc với ngân hàng để vay vốn, hỗ trợ về công nghệ, nhân sự, tăng cường phối hợp trong công tác kiểm tra giám sát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, chi phí quản lý....

- CTCP Bia Hà Nội - Quảng Trị: Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 có lãi, lỗ lũy kế giảm dần, các chỉ số tài chính được cải thiện. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2020, công ty vẫn còn lỗ lũy kế 11,41 tỷ, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thiếu ổn định, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hoàn toàn phụ thuộc vào Tổng công ty.



Tổng công ty thành lập Tổ công tác chấp thuận Báo cáo tài chính của Công ty. Sau khi kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty, Tổ công tác đã có ý kiến với Ban lãnh đạo Công ty: Rà soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu nâng cao công tác kiểm soát mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất, tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD. Xây dựng phương án để tối ưu chi phí, nhằm giảm tỷ lệ chi phí chung phân bổ trong chi phí sản xuất.

HĐQT Tổng công ty đã yêu cầu Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty, phối hợp với HĐQT Công ty và Ban giám đốc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ tình hình SXKD, kiểm soát chi phí, tình hình tài chính của Công ty.

- CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An: Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 có lãi, lỗ lũy kế giảm dần; các chỉ số tài chính được cải thiện. Tuy nhiên, công ty vẫn còn lỗ lũy kế 7,76 tỷ tại thời điểm 31/12/2020. Đồng thời theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán, Công ty còn có công nợ phải thu khó đòi đối với Công ty cổ phần Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào là 40,46 tỷ đồng (trong đó, tiền chuyển nhượng chi phí san nền, giải phóng mặt bằng và tài sản khác là 26,86 tỷ đồng; tiền gốc vay là 12,4 tỷ đồng; và tiền lãi vay là 1,2 tỷ đồng).

Theo Báo cáo của Ban giám đốc về các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính năm 2020: Theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 17/2019/KDTM-ST ngày 27/09/2019 do Tòa án nhân dân TP. Vinh, tỉnh Nghệ An đã tuyên án trong vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM giữa Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (“Agribank”) và bị đơn là CTCP Tổng công ty hợp tác kinh tế Việt Lào thì 49% vốn cổ phần tại Công ty (trong đó 42% vốn cổ phần thuộc sở hữu của Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào và 7% vốn cổ phần thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Thế Hoi) là một trong những tài sản đã được thế chấp tại Agribank - TP. Vinh để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại Agribank - TP. Vinh mà Bị đơn còn nợ. Tòa sơ thẩm buộc CTCP Tổng công ty hợp tác kinh tế Việt Lào phải trả cho Agribank - TP. Vinh số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2019 là hơn 74 tỷ đồng (gồm nợ gốc vay và tiền lãi). Trong thời gian có hiệu lực của bản án, nếu CTCP Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào không trả hoặc trả không đủ số tiền trên thì Agribank - TP. Vinh có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý những tài sản đã thế chấp (trong đó có 49% vốn cổ phần tại công ty) để thu hồi khoản nợ nói trên cho Agribank - TP. Vinh. Là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục để thực hiện việc kháng cáo bản án sơ thẩm nói trên nhằm đảm bảo khả năng thu hồi các khoản nợ mà CTCP Tổng công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào còn nợ Công ty.

HĐQT Tổng công ty đã chỉ đạo Người đại diện vốn của HABECO tại CTCP Bia Hà Nội - Nghệ An có ý kiến với HĐQT Công ty, Ban giám đốc Công ty tích



cực, tăng cường công tác thu hồi nợ đối với CTCP Tổng Công ty Hợp tác kinh tế Việt Lào.

b) Các công ty con có kết quả kinh doanh năm 2020 lỗ:

- CTCP Hà Nội - Quảng Bình: Tổng sản lượng sản xuất năm 2020 đạt 4.233 nghìn lít, bằng 77% so với kế hoạch năm 2020. Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 4.322 nghìn lít, bằng 78% với kế hoạch năm 2020. Tổng doanh thu đạt 29,75 tỷ đồng, tương đương 78,7% kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận sau thuế âm 8,8 tỷ đồng, (giảm lỗ 0,6 tỷ đồng so với kế hoạch năm 2020), lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2020 là 19,6 tỷ đồng.

Tổng công ty thành lập Tổ công tác chấp thuận Báo cáo tài chính của Công ty. Sau khi kiểm tra, rà soát, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty, Tổ công tác đã có ý kiến với Ban lãnh đạo Công ty: rà soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu và ban hành định mức sản xuất bia hơi địa phương phù hợp với thực tế sản xuất, nâng cao công tác kiểm soát mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất, tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, quản lý tình hình tài chính của Công ty, nhằm kịp thời phát hiện, cảnh báo để chấn chỉnh kịp thời hoạt động quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.

HDQT Tổng công ty chỉ đạo giao cho Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty phối hợp với HDQT Công ty và Ban giám đốc xây dựng xây dựng phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính.

- CTCP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nắp chai của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào Công ty mẹ. Trong năm 2020, sản lượng sản xuất và tiêu thụ nắp chai bia Hà Nội chỉ đạt xấp xỉ 79% kế hoạch năm. Trong khi đó, các hoạt động kinh doanh khác của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn. Hoạt động cho thuê nhà xưởng, kho hàng, cầu cảng bến bãi cũng giảm sút do cơ sở hạ tầng đã cũ, xuống cấp, cần phải cải tạo, sửa chữa. Tổng doanh thu năm 2020 của Công ty đạt 45,32 tỷ đồng, tương đương 80,6% kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận sau thuế âm 0,49 tỷ đồng, lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2020 là: 1,9 tỷ đồng.

HDQT Tổng công ty đã giao cho Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty, phối hợp với HDQT Công ty và Ban giám đốc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát chặt chẽ tình hình SXKD, kiểm soát chi phí, tình hình tài chính, tích cực mở rộng, phát triển thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới để cung cấp nắp chai nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời yêu cầu Công ty rà soát quy hoạch, đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống nhà xưởng, kho tàng, bến bãi, tìm kiếm đối tác nhằm khai thác tối đa lợi thế cơ sở hạ tầng hiện có.



- CTCP Rượu và Nước giải khát Hà Nội: Tình hình tiêu thụ rượu nội địa năm 2020 đạt 82,3% kế hoạch năm và bằng 73,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng rượu xuất khẩu năm 2020 đạt 56,6% so với kế hoạch năm và bằng 63,3% cùng kỳ. Sản lượng cồn tiêu thụ đạt 74,2% so với kế hoạch năm. Doanh thu năm 2020 đạt 79,1% so với kế hoạch năm 2020. Lợi nhuận sau thuế âm 30,95 tỷ đồng, lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2020 là 444,6 tỷ đồng.

Trước tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh thua lỗ của Công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo Người đại diện vốn tại Halico phối hợp với Hội đồng quản trị Halico tập trung xây dựng các chương trình và nhiệm vụ cụ thể, phân giao trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân tại Halico, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Halico; Xây dựng các định hướng, giải pháp, kế hoạch sản xuất kinh doanh trung, dài hạn và hàng năm với các mục tiêu, kết quả cụ thể cho các năm nhằm chặn đà suy giảm, ổn định và tăng dần sản lượng tiêu thụ của Halico trong dài hạn.

HĐQT Tổng công ty giao Người đại diện vốn của Tổng công ty tại Công ty, phối hợp với HĐQT Công ty chỉ đạo Ban điều hành xây dựng phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẴM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT       | TÊN CÔNG TY  | Tỷ lệ cổ phần tại Công ty | Vốn điều lệ | Tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty mẹ | Tổng Tài sản | Doanh thu bán hàng | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Cổ tức trả về Tổng Công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp NN | Tổng Nợ phải trả |
|-----------|--|---------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ</b>                         |                           |             |                                     |              |                    |                      |                    |                               |                             |                  |
| 1         | Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco                                 | 100,00%                   | 50,00       | 50,00                               | 512,88       | 4.293,79           | 23,75                | 18,75              | 6,56                          | 32,20                       | 443,61           |
| <b>II</b> | <b>Công ty con do Tổng Công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b> |                           |             |                                     |              |                    |                      |                    |                               |                             |                  |
| 1         | Công ty CP bia Hà Nội - Hải Dương                                  | 55,00%                    | 40,00       | 30,63                               | 92,92        | 151,90             | 9,89                 | 8,28               | 2,20                          | 115,66                      | 15,91            |
| 2         | Công ty CP bia Hà Nội - Hải Phòng                                  | 65,01%                    | 91,79       | 82,34                               | 218,74       | 206,61             | 3,56                 | 2,67               | 1,49                          | 139,25                      | 63,09            |
| 3         | Công ty CP bia Hà Nội - Nam Định                                   | 51,00%                    | 20,00       | 10,20                               | 38,82        | 56,39              | 3,30                 | 2,81               | 0,82                          | 27,91                       | 12,46            |
| 4         | Công ty CP bia Hà Nội - Thái Bình                                  | 66,31%                    | 76,91       | 56,45                               | 262,25       | 136,63             | 1,32                 | 0,80               |                               | 131,06                      | 150,15           |
| 5         | Công ty CP bia Hà Nội -  | 55,00%                    | 114,24      | 82,69                               | 302,59       | 1.417,62           | 5,10                 | 3,08               | 1,57                          | 321,50                      | 155,34           |



**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẴM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| STT | TÊN CÔNG TY  | Tỷ lệ cổ phần tại Công ty | Vốn điều lệ | Tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty mẹ | Tổng Tài sản | Doanh thu bán hàng | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Cổ tức trả về Tổng Công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp NN | Tổng Nợ phải trả |
|-----|--|---------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------|
|     | Thanh Hóa  |                           |             |                                     |              |                    |                      |                    |                               |                             |                  |
| 6   | Công ty CP bia Hà Nội - Quảng Bình                             | 62,05%                    | 58,00       | 37,67                               | 58,36        | 29,75              | -8,79                | -8,79              | -                             | 30,12                       | 6,19             |
| 7   | Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - NGK                             | 68,95%                    | 20,00       | 14,49                               | 30,52        | 45,12              | -0,49                | -0,49              | -                             | 3,50                        | 3,48             |
| 8   | Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội                       | 54,29%                    | 200,00      | 143,69                              | 394,57       | 114,45             | -30,95               | -30,95             | -                             | 83,64                       | 25,68            |
| 9   | Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội                               | 60,00%                    | 31,23       | 22,97                               | 160,58       | 755,65             | 11,33                | 8,83               | 3,75                          | 45,40                       | 97,21            |
| 10  | Công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội - Quảng Ninh                | 52,64%                    | 15,00       | 8,67                                | 41,15        | 215,37             | 0,46                 | 0,34               | 0,08                          | 0,53                        | 11,63            |
| 11  | Công ty CP Đầu tư phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội | 96,10%                    | 200,00      | 223,54                              | 465,56       | 459,05             | 41,66                | 33,30              | 19,22                         | 427,73                      | 139,88           |
| 12  | Công ty CP bia Hà Nội - Nghệ An                                | 51,00%                    | 180,00      | 91,80                               | 244,42       | 294,09             | 5,74                 | 5,74               | -                             | 264,48                      | 47,24            |

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỎ**  
**PHẦN CHI PHỐI**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | TÊN CÔNG TY                       | Tỷ lệ cổ phần tại Công ty | Vốn điều lệ | Tổng vốn đầu tư của Tổng Công ty mẹ | Tổng Tài sản | Doanh thu bán hàng | Lợi nhuận trước thuế | Lợi nhuận sau thuế | Cổ tức trả về Tổng Công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp NN | Tổng Nợ phải trả |
|-----|-----------------------------------|---------------------------|-------------|-------------------------------------|--------------|--------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------|------------------|
| 13  | Công ty CP bia Hà Nội - Quảng Trị | 98,56%                    | 110,00      | 106,58                              | 158,11       | 138,00             | 2,79                 | 2,79               | -                             | 125,05                      | 58,29            |
| 14  | Công ty CP Habeco Hải Phòng       | 66,69%                    | 160,00      | 106,71                              | 258,52       | 269,83             | 15,23                | 12,10              | -                             | 264,07                      | 116,21           |
| 15  | Công ty CP bia Hà Nội - Hồng Hà   | 53,89%                    | 100,00      | 53,88                               | 142,62       | 151,36             | 8,85                 | 7,41               | 2,69                          | 123,91                      | 31,23            |



Tài liệu gửi kèm theo báo cáo:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.

Trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: Vth, VP.HĐQT.



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Trần Đình Thanh**

